

CHƯƠNG 6

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT

Điều 6.1: Định nghĩa

1. Vì mục tiêu của Chương này:
 - (a) **Cơ quan có thẩm quyền** nghĩa là những cơ quan được mỗi Bên công nhận chịu trách nhiệm xây dựng, thực hiện và quản lý các biện pháp SPS trong lãnh thổ của mình như được liệt kê trong Phụ lục 6A.
 - (b) **Hiệp định SPS** có nghĩa là Hiệp định WTO về áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật.
2. Các Bên có thể thống nhất các định nghĩa khác để áp dụng Chương này, có tính đến các thuật ngữ và định nghĩa được sử dụng bởi các tổ chức quốc tế có liên quan như Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (sau đây gọi là “CODEX”), Tổ chức Thú y thế giới (sau đây gọi là “WOAH”) và Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (sau đây gọi là “IPPC”).
3. Các định nghĩa được nêu tại Phụ lục A, Hiệp định SPS của WTO sẽ được áp dụng.

Điều 6.2: Mục tiêu

Mục tiêu của Chương này là:

- (a) Tăng cường thực hiện trên thực tế các nguyên tắc và quy tắc được nêu trong Hiệp định SPS và các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế hiện hành do các tổ chức quốc tế có liên quan xây dựng;
- (b) Tạo thuận lợi cho thương mại giữa các Bên và đảm bảo rằng các biện pháp SPS được thực hiện bởi mỗi Bên không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại đồng thời bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật trên lãnh thổ của mỗi Bên;
- (c) Cung cấp một phương tiện để tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác và giải quyết các vấn đề SPS ảnh hưởng đến thương mại giữa các Bên và các vấn đề khác mà các Bên cùng quan tâm, có tính đến các mức độ phát triển khác nhau giữa hai Bên.

Điều 6.3: Phạm vi

Chương này sẽ áp dụng cho việc xây dựng, thông qua và áp dụng tất cả các biện pháp SPS của một Bên mà có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến thương mại song phương của hai Bên.

Điều 6.4: Quy định chung

Các Bên khẳng định lại các quyền và nghĩa vụ hiện tại của mình đối với Bên kia theo Hiệp định SPS và đưa vào Hiệp định này.

Điều 6.5: Đầu mối liên lạc SPS

1. Với mục đích tạo điều kiện trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến thương mại SPS, các Bên đồng ý thiết lập các Đầu mối liên hệ như sau:

- (a) Đối với Việt Nam, Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoặc các cơ quan trực thuộc; và
- (b) Đối với Israel, Bộ Kinh tế và Công nghiệp, Cục Quản lý Ngoại thương, hoặc các cơ quan trực thuộc.

2. Với mục đích thực hiện các điều khoản của Hiệp định này, các Bên đồng ý chia sẻ thông tin liên quan đến các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên chịu trách nhiệm về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật, được liệt kê trong Phụ lục 6A (Cơ quan có thẩm quyền).

3. Các Bên phải đảm bảo thông tin được cung cấp theo khoản 1 và 2 (bao gồm cả Phụ lục 6A) được cập nhật.

Điều 6.6: Thích ứng với các điều kiện của khu vực

1. Các Bên thừa nhận khái niệm thích ứng với các điều kiện khu vực như được nêu trong Điều 6 của Hiệp định SPS và sẽ xem xét đến hướng dẫn liên quan của Hiệp định SPS của WTO và của các cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế có liên quan.

2. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác để công nhận các khu vực phi dịch bệnh, phi dịch hại và các khu vực có nguy cơ dịch hại, dịch bệnh thấp với mục tiêu đạt được sự tin tưởng vào các thủ tục mà mỗi Bên tuân theo để đạt được sự công nhận về các khu vực phi dịch bệnh, phi dịch hại và các khu vực có nguy cơ dịch hại, dịch bệnh thấp.

Điều 6.7: Tương đương

1. Các Bên công nhận rằng việc áp dụng nguyên tắc tương đương quy định tại Điều 4 của Hiệp định SPS là một công cụ quan trọng để tạo thuận lợi thương mại và mang lại lợi ích chung cho cả nước xuất khẩu và nước nhập khẩu.

2. Nguyên tắc tương đương có thể được chấp thuận cho một biện pháp SPS cụ thể hoặc các biện pháp SPS liên quan đến một sản phẩm hoặc nhóm các sản phẩm nhất định, hoặc áp dụng cho toàn bộ hệ thống.

3. Bên nhập khẩu sẽ chấp nhận các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của Bên xuất khẩu là tương đương nếu Bên xuất khẩu chứng minh một cách khách quan rằng các biện pháp của mình đạt được mức bảo vệ an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật phù hợp của Bên nhập khẩu. Để tạo thuận lợi cho việc xác định tính tương đương, theo yêu cầu, một Bên phải thông báo cho Bên kia về mục tiêu của bất kỳ biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch nào có liên quan.
4. Các Bên sẽ bắt đầu quá trình tham vấn về xác định tính tương đương trong một thời gian hợp lý. Việc xác định tính tương đương sẽ được hoàn thiện sau khi Bên xuất khẩu chứng minh tính tương đương của các biện pháp được đề xuất.
5. Trong trường hợp có nhiều yêu cầu từ Bên xuất khẩu, các Bên sẽ thống nhất trong Ủy ban được đề cập tại Điều 6.10 [Tiểu ban về SPS] về mức độ ưu tiên của thời gian khởi động quy trình. Bên nhập khẩu sẽ cố gắng ưu tiên các yêu cầu về tính tương đương đối với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu.
6. Việc một Bên xem xét yêu cầu của một Bên khác về việc công nhận tính tương đương của các biện pháp của họ đối với một sản phẩm cụ thể sẽ không phải là lý do để làm đình trệ hoặc ngưng các hoạt động nhập khẩu đang diễn ra đối với sản phẩm đó. Khi xác định tính tương đương được đưa ra, các Bên sẽ ghi nhận chính thức và áp dụng cho thương mại giữa các Bên trong khu vực liên quan.
7. Nhằm mục đích đảm bảo rằng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch của Bên xuất khẩu luôn đáp ứng các yêu cầu của Bên nhập khẩu, Bên xuất khẩu sẽ, theo yêu cầu, cho phép kiểm tra các hệ thống của mình bao gồm các quy trình kiểm tra và thử nghiệm của Bên xuất khẩu.

Điều 6.8: Thủ tục lập danh sách các cơ sở

1. Sau khi Bên xuất khẩu khởi xướng, tùy thuộc vào quy trình và thủ tục nội bộ của mỗi bên và theo yêu cầu của Bên nhập khẩu, Bên xuất khẩu sẽ thông báo cho Bên nhập khẩu danh sách các cơ sở tuân thủ các yêu cầu của Bên nhập khẩu để phê duyệt và để đảm bảo thỏa mãn các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.
2. Khi nhận được yêu cầu của Bên xuất khẩu, Bên nhập khẩu sẽ phê duyệt trong vòng 45 ngày danh sách các cơ sở theo như khoản 1 mà không cần thẩm tra trước từng cơ sở.
3. Nếu Bên nhập khẩu yêu cầu thông tin bổ sung, thời hạn nêu trong khoản 2 sẽ được gia tăng tối đa 30 ngày làm việc. Sau khi phê duyệt danh sách các cơ sở, Bên nhập khẩu sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, tuân thủ theo đúng quy trình luật pháp được áp dụng, để cho phép nhập khẩu sản phẩm đó.
4. Nếu Bên nhập khẩu từ chối yêu cầu phê duyệt, Bên đó phải thông báo ngay cho Bên xuất khẩu về các lý do của việc từ chối.
5. Cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu có quyền đình chỉ hoặc rút lại giấy phép nhập khẩu của một cá nhân hoặc một số cơ sở trong trường hợp không tuân thủ cơ bản. Bên nhập khẩu sẽ thông báo cho Bên xuất khẩu về quyết định đó.

Điều 6.9: Truyền thông và trao đổi thông tin

1. Các Bên thừa nhận giá trị của việc trao đổi thông tin về các biện pháp SPS tương ứng của mình.
2. Các Bên đồng ý cung cấp thông tin kịp thời và phù hợp trực tiếp cho cả đầu mối liên lạc và cơ quan có thẩm quyền của Bên kia, phù hợp với nghĩa vụ của Bên đó trong WTO, khi:
 - (a) Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật, bao gồm cả những phát hiện quan trọng về dịch tễ học, có thể ảnh hưởng đến thương mại giữa các Bên;
 - (b) Kết quả kiểm tra hàng hóa nhập khẩu đối với lô hàng bị từ chối, không đạt yêu cầu;
 - (c) Kết quả của các thủ tục xác minh, chẳng hạn như thanh tra hoặc đánh giá tại chỗ.

Điều 6.10: Tiểu ban về SPS

1. Các Bên sẽ thành lập một Tiểu ban về các biện pháp SPS (“Tiểu ban SPS”), trực thuộc Ủy ban hỗn hợp được mô tả trong Điều [Ủy ban hỗn hợp FTA] của Hiệp định này, để tạo điều kiện hợp tác và xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thực hiện Chương này.
2. Chức năng của Tiểu ban bao gồm:
 - (a) Xây dựng các thủ tục hoặc sắp xếp cần thiết để thực hiện Chương này;
 - (b) Giám sát việc thực hiện Chương này;
 - (c) Cung cấp một diễn đàn để trao đổi thông tin, chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực SPS và để thảo luận về các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật nhất định nhằm đạt được các giải pháp có thể chấp nhận được của cả hai bên và nhanh chóng giải quyết mọi vấn đề có thể tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại giữa các Bên;
 - (d) Thực hiện bất kỳ chức năng nào khác theo thỏa thuận chung của các Bên.
3. Ngoài ra, các chức năng của Tiểu ban có thể bao gồm:
 - (a) Thúc đẩy việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế của các Bên trong việc thông qua và áp dụng các biện pháp SPS tương ứng của họ;
 - (b) Xác định, bắt đầu và xem xét các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật giữa các Bên.

4. Các Bên có thể thông báo cho nhau thông qua Tiểu ban SPS về các quyết định liên quan đến việc cấp phép nhập khẩu, trao đổi thông tin, tính minh bạch, công nhận khu vực hóa, các biện pháp tương đương và thay thế, và bất kỳ vấn đề nào khác được đề cập trong các đoạn trên.
5. Tiểu ban SPS sẽ bao gồm các đại diện phù hợp của mỗi bên chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS và tất cả các quyết định của Tiểu ban sẽ theo thỏa thuận chung.
6. Tiểu ban SPS có thể thành lập các nhóm công tác kỹ thuật theo yêu cầu để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.
7. Tiểu ban SPS sẽ họp trực tiếp trong vòng một năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực và sau đó họp thường niên khi có thể, theo quyết định của các Bên. Cuộc họp có thể được tiến hành thông qua hội nghị truyền hình, hội nghị truyền hình hoặc thông qua các phương tiện khác do các Bên thống nhất.

Điều 6.11: Hợp tác kỹ thuật

1. Các Bên đồng ý tìm kiếm cơ hội hợp tác kỹ thuật trong các lĩnh vực SPS, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về hệ thống quy định của các Bên, xây dựng năng lực của các Bên, đạt được sự tin tưởng giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên, và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến thương mại song phương.
2. Các Bên sẽ xem xét hợp lý sự hợp tác liên quan đến các vấn đề SPS. Sự hợp tác đó, sẽ dựa trên các điều khoản và điều kiện được cả hai bên đồng ý, có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:
 - (a) Tăng cường trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong việc xây dựng và áp dụng các biện pháp SPS trong nước cũng như các tiêu chuẩn quốc tế;
 - (b) Tăng cường hợp tác liên quan đến, ngoài những điều khác, phương pháp phân tích rủi ro, phương pháp kiểm soát dịch bệnh hoặc sinh vật gây hại và kỹ thuật thử nghiệm trong phòng thí nghiệm;
 - (c) Xây dựng các chương trình trao đổi cán bộ liên quan của các cơ quan có thẩm quyền, nhằm mục đích xây dựng năng lực và lòng tin của các Bên về quản lý dịch bệnh động vật và dịch hại thực vật;
 - (d) Trao đổi thông tin, theo yêu cầu của một Bên, về sự bùng phát của bất kỳ bệnh động vật hoặc sự cố nghiêm trọng nào liên quan đến an toàn thực phẩm và các biện pháp tiếp theo bao gồm các quy định trong nước có liên quan và giải thích của họ;
 - (e) Tăng cường hợp tác và trao đổi kinh nghiệm giữa các Điểm hỏi đáp SPS của WTO hoặc các cơ quan có thẩm quyền của các Bên;
 - (f) Xem xét nghiên cứu chung tiềm năng và chia sẻ kết quả của nghiên cứu đó trong các lĩnh vực SPS bao gồm bệnh động vật, dịch hại cây trồng và an toàn thực phẩm;

(g) Bất kỳ hoạt động hợp tác nào khác được các Bên đồng ý.

Điều 6.12: Tham vấn

1. Trường hợp một Bên xem xét thấy việc một biện pháp SPS tác động đến thương mại giữa song phương cần phải thảo luận thêm, Bên đó có thể thông qua đầu mối liên hệ yêu cầu giải thích đầy đủ về biện pháp SPS và nếu cần thiết, yêu cầu tổ chức tham vấn để giải quyết. Bên còn lại sẽ phản hồi kịp thời mọi yêu cầu giải thích và hoặc tham vấn như vậy.
2. Các Bên sẽ nỗ lực hết sức để giải quyết vấn đề thông qua tham vấn theo thời gian được cả hai bên thống nhất. Nếu các cuộc tham vấn không đạt được giải pháp, vấn đề sẽ được chuyển đến Ủy ban hỗn hợp theo Điều 13.1 (Thành lập Ủy ban hỗn hợp FTA).

Điều 6.13: Các biện pháp khẩn cấp

1. Các biện pháp khẩn cấp do Bên nhập khẩu áp dụng sẽ được thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thực hiện và các lý do liên quan bao gồm bất kỳ nguy cơ nghiêm trọng hoặc đáng kể nào đối với cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, các trường hợp khẩn cấp về lương thực có thể ảnh hưởng đến hàng hóa mà thương mại diễn ra, và, theo yêu cầu, các cuộc tham vấn giữa các cơ quan có thẩm quyền sẽ được tổ chức trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Tất cả thông tin liên lạc cũng sẽ được chuyển tiếp đến các điểm liên lạc được chỉ định. Các Bên sẽ xem xét bất kỳ thông tin nào được cung cấp thông qua các cuộc tham vấn đó.
2. Bên nhập khẩu sẽ xem xét thông tin do Bên xuất khẩu cung cấp một cách kịp thời khi đưa ra quyết định đối với các lô hàng đang được vận chuyển giữa các Bên tại thời điểm áp dụng các biện pháp khẩn cấp. Bên nhập khẩu sẽ xem xét giải pháp phù hợp và cân xứng nhất để tránh những gián đoạn thương mại không cần thiết.

PHỤ LỤC 6A

Cơ quan có thẩm quyền

Đối với các mục đích của Chương này, Cơ quan có thẩm quyền có nghĩa là:

1. Đối với Việt Nam:

Trong trường hợp của Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các vấn đề vệ sinh và kiểm dịch được phân công cho các cơ quan chính phủ. Về mặt này, những điều sau đây được áp dụng:

- (a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về vệ sinh sức khỏe động, thực vật, hoặc các cơ quan trực thuộc;
- (b) Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công Thương, hoặc các cơ quan trực thuộc; theo chức năng nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

2. Đối với Israel:

- (a) Cục Kiểm định và Bảo vệ thực vật (“PPIS”), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hoặc các cơ quan trực thuộc;
- (b) Cục Dịch vụ và Sức khỏe Thú y (“IVSAH”), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hoặc các cơ quan trực thuộc;
- (c) Dịch vụ Lương thực Quốc gia – Bộ Y tế, hoặc các cơ quan trực thuộc;
- (d) Viện Giám sát tiêu chuẩn dược phẩm Bộ Y tế – Bộ Y tế, hoặc các cơ quan trực thuộc.